ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2845 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BNG ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1281/TTr-SNV ngày 12 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng.

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đối ngoại địa phương, trong đó bao gồm công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia; thực hiện các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật (nếu có) và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Ngoại vụ (sau đây viết tắt là Sở) có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn.

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến công tác đối ngoại của địa phương và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hằng năm, chiến lược, chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại của tỉnh;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực đối ngoại cho Sở theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác) thuộc Sở (nếu có);

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đối ngoại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác đối ngoại ở địa phương.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác đối ngoại địa phương sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4. Về công tác hợp tác và hội nhập quốc tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hoạt động về hợp tác, hội nhập quốc tế của địa phương phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện, báo cáo Bộ Ngoại giao và cấp có thẩm quyền kết quả triển khai các kế hoạch, chương trình hợp tác và hội nhập quốc tế của địa phương, các đề án thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác của địa phương với các đối tác nước ngoài; phối hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức triển khai các đề án, kế hoạch, chương trình hợp tác chuyên đề với các đối tác nước ngoài;

c) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam), các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các chủ thể có yếu tố nước ngoài khác tại Việt Nam, trừ trường hợp có sự phân công khác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, thỏa thuận thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, y tế, giáo dục đào tạo… giữa tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

5. Về công tác đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Ngoại giao về công tác đối ngoại nhân dân tại địa phương;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai đường lối, chủ trương, chính sách và các hoạt động đối ngoại của Đảng tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

6. Về công tác ngoại giao kinh tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác ngoại giao kinh tế, xây dựng và triển khai các chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hành động triển khai công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong việc quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của địa phương; phối hợp triển khai các nhiệm vụ về xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của các tổ chức kinh tế của địa phương ở nước ngoài.

7. Về công tác ngoại giao văn hóa:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác ngoại giao văn hóa, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược ngoại giao văn hóa trong từng thời kỳ;

b) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các chủ thể có yếu tố nước ngoài khác trong việc triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa tại địa phương, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa của địa phương ở nước ngoài, trừ trường hợp có sự phân công khác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về các chương trình, kế hoạch hoạt động của địa phương trong việc hợp tác với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO).

8. Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài:

a) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện công tác nghiên cứu, tổng hợp tình hình, tham mưu chủ trương, chính sách

và pháp luật về người Việt Nam ở nước ngoài thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác người Việt Nam ở nước ngoài; chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch và chương trình của tỉnh đối với người Việt Nam ở nước ngoài thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; vận động, hướng dẫn và hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ trong làm việc, đầu tư kinh doanh, sinh sống và học tập tại địa phương;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thống kê số liệu về người Việt Nam ở nước ngoài gốc địa phương; quản lý, cung cấp và cập nhật số liệu về người Việt Nam ở nước ngoài gốc địa phương cho Cơ sở dữ liệu về Người Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Ngoại giao quản lý;

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định về kết quả triển khai công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Về công tác lãnh sự và hoạt động di cư quốc tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của người thuộc diện được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định của pháp luật;

b) Là đầu mối phối hợp với Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao xử lý các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân địa phương ở nước ngoài và trong công tác lãnh sự đối với người nước ngoài tại địa phương;

c) Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật;

d) Là đầu mối trao đổi với cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để giải quyết các vụ việc lãnh sự thông thường, ít phức tạp tại địa bàn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Ngoại giao;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, chính sách về hoạt động di cư ra nước ngoài của công dân tại địa phương; thu thập thông tin, số liệu về di cư quốc tế tại địa phương và định kỳ 6 tháng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo di cư gửi Bộ Ngoại giao;

e) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp văn bản đồng ý cho phép doanh nhân được sử dụng thẻ đi lại doanh nhân APEC (thẻ ABTC).

10. Về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia:

a) Là cơ quan thường trực của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác biên giới, lãnh thổ tại địa phương theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Ngoại giao và bộ, ngành liên quan;

b) Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Ngoại giao tình hình thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ quốc gia, các chương trình, đề án khác liên quan đến công tác quản lý biên giới thuộc địa bàn tỉnh phụ trách;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh việc xử lý các vấn đề nảy sinh trên biên giới đất liền, hải đảo, vùng trời và các vùng biển của Việt Nam tại tỉnh, báo cáo Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan;

d) Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra và quản lý các văn bản, tài liệu, bản đồ và hồ sơ về biên giới thuộc phạm vi quản lý của địa phương; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các cơ quan, đơn vị của địa phương về các vấn đề quản lý nhà nước về biên giới, lãnh thổ;

đ) Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh việc xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa mốc quốc giới và vật đánh dấu đường biên giới và các biện pháp khác để bảo vệ mốc quốc giới và vật đánh dấu đường biên giới khi cần thiết;

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về biên phòng, đối ngoại biên phòng;

g) Tham gia ý kiến đối với các dự án, công trình triển khai trong khu vực biên giới.

11. Về công tác lễ tân nhà nước tại địa phương:

a) Là cơ quan đầu mối của tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao hướng dẫn, bảo đảm việc thực hiện nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài tại địa phương theo quy định của pháp luật; chủ trì công tác lễ tân cho các đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm và làm việc ở nước ngoài;

b) Là cơ quan đầu mối của tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao hướng dẫn, quản lý, bảo đảm việc thực hiện quyền và chế độ ưu đãi, miễn trừ và nghi lễ đối ngoại đối với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các đơn vị trực thuộc các cơ quan này đóng trên địa bàn của tỉnh, thành viên của những cơ quan này và thành viên gia đình của họ phù hợp với pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và theo thông lệ quốc tế.

12. Về công tác thông tin đối ngoại:

a) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện

nước ngoài tại Việt Nam trong triển khai chương trình, kế hoạch thông tin tuyên truyền đối ngoại của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Cung cấp thông tin của tỉnh cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại; phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá địa phương ở nước ngoài;

c) Là cơ quan đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý và xử lý vi phạm đối với các hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài tại tỉnh; xây dựng chương trình hoạt động, tổ chức việc tiếp và trả lời phỏng vấn của lãnh đạo tỉnh, cung cấp thông tin có định hướng.

13. Về công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào:

a) Là cơ quan đầu mối tổng hợp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hằng năm xây dựng kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài do tỉnh chủ trì (đoàn ra) có trưởng đoàn là lãnh đạo tỉnh, đón tiếp các đoàn khách từ các quốc gia và vùng lãnh thổ bên ngoài vào thăm làm việc tại địa phương do tỉnh mời và thu xếp chương trình hoạt động (đoàn vào) có trưởng đoàn là lãnh đạo địa phương nước ngoài hoặc tương đương trở lên và việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch này vào giữa năm để gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các đoàn ra cấp tỉnh và đoàn ra của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh, các đoàn vào cấp tỉnh, đoàn vào do các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh đón tiếp và các đoàn quốc tế khác đến thăm làm việc tại tỉnh;

c) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các đoàn ra cấp tỉnh; là đầu mối liên hệ với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ, hướng dẫn, quản lý các đoàn ra theo quy định; thẩm định các đề án đoàn ra của các sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh; theo dõi, thống kê tổng hợp các đoàn ra thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, đề án đón tiếp đoàn vào cấp tỉnh và các đoàn quốc tế khác đến thăm và làm việc với lãnh đạo cấp tỉnh; thẩm định đề xuất, kiến nghị của các sở, ban, ngành, địa phương về việc lãnh đạo cấp tỉnh tiếp khách nước ngoài; theo dõi, thống kê tổng hợp các đoàn vào thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao về kết quả tổ chức đoàn ra cấp tỉnh, đón tiếp đoàn vào cấp tỉnh và các đoàn quốc tế khác thăm làm việc tại tỉnh theo điểm c và d của khoản này.

14. Về công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế:

a) Chủ trì tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về hội nghị, hội thảo quốc tế do cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương của tỉnh tổ chức, bao gồm các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ;

hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; hội nghị, hội thảo quốc tế được phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện (sau đây gọi là hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc quản lý của tỉnh);

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến và phối hợp quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cho phép của người có thẩm quyền khác;

c) Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, thẩm định nội dung các hội nghị, hội thảo quốc tế của các tổ chức do cơ quan của tỉnh cấp phép hoạt động; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thực hiện các quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo định kỳ hằng năm cho Bộ Ngoại giao về tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương.

15. Về công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế:

a) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới theo pháp luật về thỏa thuận quốc tế;

b) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy trình liên quan, quyết định và tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân tỉnh theo pháp luật về thỏa thuận quốc tế;

c) Cho ý kiến bằng văn bản về đề xuất ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, tạm đình chỉ hiệu lực thỏa thuận quốc tế nhân danh các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, tạm đình chỉ hiệu lực thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới;

d) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện được ký kết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và các thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới bị tác động bởi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp theo quy định của pháp luật;

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế đã ký kết; báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về những vấn đề phát sinh trong ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế tại địa phương; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định liên quan.

16. Về công tác phi chính phủ nước ngoài:

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương, bao gồm: Thẩm định, cho ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy đăng ký và các hoạt động khác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các khoản viện trợ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đình chỉ, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoặc xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài vi phạm quy định; báo cáo Bộ Ngoại giao và Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định;

b) Triển khai và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương;

c) Cho ý kiến đối với việc thẩm định các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, bảo đảm yêu cầu về chính trị đối ngoại;

d) Tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại địa phương trong trường hợp được Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu;

đ) Là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài do Bộ Ngoại giao quản lý.

17. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ đối ngoại:

a) Đề xuất, xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức và viên chức của tỉnh;

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan triển khai các chương trình, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với định hướng phát triển của địa phương;

c) Thực hiện khảo sát, tổng hợp nhu cầu, theo dõi, đánh giá kết quả và đề xuất hoàn thiện nội dung, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

18. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo quy định.

19. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng

tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ; phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung trong lĩnh vực đối ngoại.

20. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các cơ quan, đơn vị và Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác đối ngoại.

21. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác đối ngoại; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

22. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (nếu có); thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

23. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

24. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế.

1. Lãnh đạo Sở:

Sở Ngoại vụ có Giám đốc sở và các Phó Giám đốc sở; số lượng Phó Giám đốc sở thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sở, giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các

hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các phòng thuộc Sở:

a) Văn phòng;

b) Phòng Hợp tác quốc tế;

c) Phòng Lãnh sự - Biên giới.

Văn phòng có Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng; phòng có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng; số lượng Phó Chánh Văn phòng và Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giám đốc Sở Ngoại vụ bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp Trưởng và cấp Phó các đơn vị thuộc Sở theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Biên chế công chức: Biên chế công chức của Sở Ngoại vụ được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế công chức của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ Ngoại giao (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tô Anh Dũng